

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội
các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi
giai đoạn 2006 - 2010**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2005/NQ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát: tạo sự chuyển biến nhanh về sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất gắn với thị trường; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn một cách bền vững, giảm khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và giữa các vùng trong cả nước.

Phấn đấu đến năm 2010, trên địa bàn cơ bản không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn dưới 30% theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Về phát triển sản xuất: nâng cao kỹ năng và xây dựng tập quán sản xuất mới cho đồng bào các dân tộc, tạo sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

Phấn đấu trên 70% số hộ đạt được mức thu nhập bình quân đầu người trên 3,5 triệu đồng/năm vào năm 2010.

- Về phát triển cơ sở hạ tầng: các xã có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất bảo đảm phục vụ có hiệu quả nâng cao đời sống và phát triển sản xuất tăng thu nhập.

Các chỉ tiêu cụ thể: phấn đấu trên 80% xã có đường giao thông cho xe cơ giới (từ xe máy trở lên) từ trung tâm xã đến tất cả thôn, bản; trên 80% xã có công trình thủy lợi nhỏ bảo đảm năng lực phục vụ sản xuất cho trên 85% diện tích đất trồng lúa nước; 100% xã có đủ trường, lớp học kiên cố, có lớp bán trú ở nơi cần thiết; 80% số thôn, bản có điện ở cụm dân cư; giải quyết và đáp ứng yêu cầu cơ bản về nhà sinh hoạt cộng đồng; 100% xã có trạm y tế kiên cố đúng tiêu chuẩn.

- Về nâng cao đời sống văn hóa, xã hội cho nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn. Phấn đấu trên 80% số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trên 80% số hộ được sử dụng điện sinh hoạt; kiểm soát, ngăn chặn các bệnh dịch nguy hiểm; tăng tỷ lệ hộ có hồ xí hợp vệ sinh lên trên 50%; trên 95% số học sinh tiểu học, 75% học sinh trung học cơ sở trong độ tuổi đến trường; trên 95% người dân có nhu cầu trợ giúp pháp lý được giúp đỡ pháp luật miễn phí.

- Về phát triển nâng cao năng lực: trang bị, bổ sung những kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao nhận thức pháp luật, nâng cao kiến thức quản lý đầu tư và kỹ năng quản lý điều hành để hoàn thành nhiệm vụ cho cán bộ, công chức cấp xã và trưởng thôn, bản. Nâng cao năng lực của cộng đồng, tạo điều kiện cộng đồng tham gia có hiệu quả vào việc giám sát hoạt động về đầu tư và các hoạt động khác trên địa bàn.

2. Nguyên tắc chỉ đạo:

a) Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn là chính sách xóa đói, giảm nghèo đặc thù cho vùng trọng điểm đói nghèo của đất nước. Chương trình đầu tư tập trung, không dàn trải, xác định đúng đối tượng là các xã và thôn, bản khó khăn nhất.

b) Nhà nước hỗ trợ, giúp đỡ bằng các chính sách cụ thể, bằng các nguồn lực có thể huy động được một cách hợp lý phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách.

c) Phát huy tối đa sự sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường của toàn thể cộng đồng và nội lực của các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

d) Thực hiện nguyên tắc dân chủ công khai, minh bạch, tăng cường phân cấp cho cơ sở, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân trực tiếp tham gia vào Chương trình.

đ) Kết hợp Chương trình này với việc thực hiện các chính sách khác trên địa bàn; các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình khác có liên quan trên địa bàn phối hợp và dành phần ưu tiên đầu tư cho Chương trình này.

3. Phạm vi và đối tượng Chương trình:

a) Phạm vi Chương trình: thực hiện ở tất cả các tỉnh miền núi, vùng cao; vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh Nam Bộ.

b) Đối tượng của Chương trình:

- Các xã đặc biệt khó khăn.
- Các xã biên giới, an toàn khu.
- Thôn, buôn, làng, bản, xóm, ấp... (gọi tắt là thôn, bản) đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II.

Từ năm 2006, xét đưa vào diện đầu tư Chương trình đối với các xã chưa hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; xét bổ sung đối với các xã đặc biệt khó khăn và thôn, bản đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II theo quy định tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển và đưa vào diện đầu tư từ năm 2007.

4. Nhiệm vụ chủ yếu:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc.

b) Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

c) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, nâng cao trình độ quản lý hành chính và kinh tế; đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng.

d) Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật.

5. Thời gian thực hiện Chương trình: thực hiện từ năm 2006 đến năm 2010.

6. Nguồn vốn:

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các địa phương để thực hiện mục tiêu quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định này và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của địa phương.

b) Ngân sách địa phương hàng năm.

c) Huy động đóng góp tự nguyện bằng nhiều hình thức của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Dân tộc là cơ quan thường trực Chương trình, có nhiệm vụ:

a) Giúp Ban Chỉ đạo của Chính phủ thực hiện Chương trình và chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương quản lý chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ và các dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, nâng cao trình độ quản lý hành chính và kinh tế và đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật. Nghiên cứu đề xuất các hình thức ghi công, biểu dương, khen thưởng các tập thể và cá nhân có nhiều đóng góp trong việc thực hiện Chương trình.

b) Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cho giai đoạn 2006 - 2010, chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành đề xuất các chính sách hỗ trợ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan và các địa phương xác định cụ thể danh sách các xã, thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư Chương trình trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; phối hợp các Bộ, ngành hướng dẫn các địa phương hàng năm rà soát, xác định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu ra khỏi diện đầu tư Chương trình từ năm 2008.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý thực hiện Chương trình này theo nguyên tắc: phân cấp quản lý cho cơ sở, đơn giản về thủ tục nhưng phải bảo đảm yêu cầu quản lý chặt chẽ.

đ) Xây dựng kế hoạch tổng thể triển khai Chương trình và kế hoạch thực hiện hàng năm; hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai Chương trình. Tổ chức

kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình ở các địa phương. Định kỳ 6 tháng và hàng năm đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

e) Chủ trì, phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các Bộ, địa phương thực hiện các dự án của Chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ:

a) Phối hợp với Bộ Tài chính bố trí nguồn ngân sách Trung ương cho các dự án của Chương trình và tổng hợp phương án phân bổ vốn của Chương trình theo thẩm quyền.

b) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc phân bổ chi tiết nguồn vốn của Chương trình cho các Bộ, địa phương.

3. Bộ Tài chính có nhiệm vụ:

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương cho các dự án của Chương trình và tổng hợp phương án phân bổ vốn của Chương trình theo thẩm quyền.

Vốn thực hiện Chương trình được ghi thành một khoản mục riêng trong kế hoạch hàng năm của địa phương do địa phương quản lý, sử dụng đúng mục đích, đối tượng và đúng kế hoạch.

b) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc phân bổ chi tiết nguồn vốn của Chương trình cho các Bộ, địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Chương trình.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ:

a) Theo dõi, chỉ đạo các địa phương về: chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng cho sản xuất (thủy lợi, rừng...).

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc hướng dẫn địa phương thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc trên địa bàn các xã thuộc Chương trình.

5. Bộ Giao thông vận tải có nhiệm vụ:

- Thực hiện hoàn thành 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã.

- Chỉ đạo các địa phương quy hoạch mạng lưới giao thông nông thôn theo hướng nâng cấp đường giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển.

6. Các Bộ, cơ quan Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, căn cứ mục tiêu của Chương trình có trách nhiệm tổ chức, xây dựng và chỉ đạo phối hợp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn để đạt mục tiêu Chương trình.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Chương trình có nhiệm vụ:

a) Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình của địa phương.

b) Tổ chức xác định, bình xét lựa chọn danh sách các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn trên cơ sở thực hiện nguyên tắc dân chủ công khai, rõ ràng minh bạch, bảo đảm đúng đối tượng, báo cáo Ủy ban Dân tộc để thẩm định tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

c) Tổ chức huy động các nguồn lực trên địa bàn để thực hiện Chương trình. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vận động và tổ chức đồng bào các dân tộc tích cực tham gia trực tiếp vào thực hiện các nội dung phát triển sản xuất, xây dựng và sử dụng các công trình của cộng đồng.

d) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình đến năm 2010, kế hoạch thực hiện hàng năm, kế hoạch dự toán kinh phí tổng thể và hàng năm để thực hiện Chương trình, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

đ) Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện Chương trình cho Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ để kịp thời xử lý giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện của Chương trình tại địa phương.

e) Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình trên địa bàn theo kế hoạch, đúng quy định, bảo đảm chất lượng, chống thất thoát và tiêu cực. Chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả của Chương trình.

8. Ban Chỉ đạo của Chính phủ phối hợp với các cơ quan Trung ương của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc vận động hưởng ứng tham gia Chương trình nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

9. Các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương có nhiệm vụ tuyên truyền rộng rãi để toàn xã hội cùng tham gia hưởng ứng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Gia Khiêm